



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

VIMĀNAVATTHUPĀḶI

&

CHUYỆN THIÊN CUNG

7. 5.

1147. Uccamidam mañithūṇaṃ vimānaṃ
samantato dvādasa yojanāni,
kūṭāgārā sattasatā uḷārā
veḷuriyatthambhā rucakatthatā¹ subhā.
1148. Tatthacchasi pivasi khādasi² ca
dibbā ca vīṇā pavadanti vaggūṃ,³
dibbā rasā kāmaguṇettha pañca
nāriyo ca naccanti suvaṇṇachannā.
1149. Kena te tādiso vaṇṇo kena te idhamijjhati,
uppajjanti ca te bhogā ye keci manaso piyā.
1150. Deviddhipattosi mahānubhāvo⁴
manussabhūto kimakāsi puññaṃ,
kenāsi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsati 'ti.
1151. So devaputto attamano moggallānena pucchito,
pañhaṃ puṭṭho viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.
1152. Gimhānaṃ pacchime māse patapante⁵ divākare,⁶
paresaṃ bhatako poso ambārāmamasiñcati.⁷
1153. Atha tenāgamā bhikkhu sārīputto ti vissuto,
kilantarūpo kāyena akilantova cetasā.
1154. Tañca disvāna āyantaṃ avocaṃ ambasiñcako,
sādhu taṃ bhante nahāpeyyaṃ⁸ yaṃ mamassa sukhāvahaṃ .
1155. Tassa me anukampāya nikkhipi pattacīvaraṃ,
nisīdi rukkhamaḷasmīṃ chāyāya ekacīvaro.
1156. Tañca acchena vārinā pasannamānaso naro,⁹
nahāpayī¹⁰ rukkhamaḷasmīṃ chāyāya ekacīvaraṃ.
1157. Ambo ca sitto samaṇo ca nahāpito,¹¹
mayā ca puññaṃ pasutaṃ anappakaṃ,
iti so pītiyā kāyaṃ sabbhaṃ pharati attano.
1158. Tadeva ettakaṃ kammaṃ akāsiṃ tāya jātiyā,
pahāya mānusaṃ dehaṃ upapannomhi nandanaṃ.
1159. Nandane pavane¹² ramme nānādi jagaṇāyute,
ramāmi naccagītehi accharāhi purakkhato "ti.¹³

Ambavimānaṃ.

¹ ruciratthatā - Syā.

² khādasi - PTS.

³ vaggū - Syā, PTS.

⁴ pucchāmi taṃ deva mahānubhāva - PTS.

⁵ patāpante - Syā.

⁶ divākare - Ma, Syā, PTS.

⁷ asiñcahaṃ - Syā.

⁸ nahāpeyyaṃ, nahāpayī, nahāpito - Ma, Syā, PTS.

⁹ therāṃ - Syā.

¹⁰ nhāpayī - Ma, PTS;

nhāpayiṃ - Syā.

¹¹ samaṇo ca nhāpito - Ma, PTS;

samaṇo nhāpito - Syā.

¹² nandane ca vane - Ma, PTS;

nandane pavare - Syā.

¹³ purakkhito ti - Syā.

7. 5.

1147. “Thiên cung này cao, có cây trụ bằng ngọc ma-ni, ở xung quanh mười hai do-tuần, có bảy trăm ngôi nhà mái nhọn cao sang với các cây cột làm bằng ngọc bích, được trải lót bằng vàng, xinh đẹp.

1148. Ở nơi ấy, người trú ngụ, người uống, và người ăn. Có các cây đàn *vīṇā* thuộc cõi Trời phát ra âm thanh dễ thương, có các vị nếm thuộc cõi Trời, ở đây có năm loại dục lạc, và có các phụ nữ trang phục bằng vàng nhảy múa.

1149. Do điều gì người có được màu da như thế ấy? Do điều gì mà (sự việc) được thành tựu cho người ở nơi đây? Và (do điều gì) mà các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho người?

1150. Người đã đạt được thần thông của chư Thiên, có đại oai lực. Khi là con người người đã làm việc phước thiện gì? Do điều gì mà người có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của người chiếu sáng khắp các phương?”

1151. Vị Thiên tử ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, vị ấy đã giải thích quả báu này là của nghiệp nào:

1152. “Vào tháng cuối cùng của mùa nóng, khi mặt trời đang đốt nóng, người đàn ông, kẻ làm thuê cho những người khác, đã tưới nước vườn xoài.

1153. Khi ấy, vị tỳ khưu nổi tiếng ‘Sāriputto’ đã đi đến nơi ấy, với dáng vẻ mệt nhọc ở cơ thể nhưng không chút mệt nhọc ở tâm ý.

1154. Và sau khi nhìn thấy vị ấy đang tiến đến, người tưới xoài đã nói rằng: ‘Thưa ngài, tốt lành thay (nếu) tôi có thể tắm cho ngài, việc ấy là nguồn đem lại hạnh phúc cho tôi.’

1155. Vì lòng thương tưởng đến tôi đây, vị ấy đã đặt y và bình bát xuống, rồi đã ngồi xuống ở gốc cây, nơi bóng râm, (mặc) một y.

1156. Và với tâm tịnh tín, người đàn ông, với nước sạch, đã tắm cho vị ấy, (mặc) một y, ở gốc cây, nơi bóng râm.

1157. ‘Cây xoài đã được tưới nước và vị Sa-môn đã được tắm; còn phước báu đã được tôi tạo ra không phải là ít.’ (Suy nghĩ) như thế, người ấy làm lan tỏa toàn bộ cơ thể của bản thân với phi lạc.

1158. Trong kiếp sống ấy, tôi đã tạo chính nghiệp ấy chỉ có bấy nhiêu. Sau khi lìa bỏ xác thân nhân loại, tôi được sanh lên (khu vườn) Nandana.

1159. Ở khu rừng Nandana đáng yêu, được những bầy chim khác nhau gấn bó, được tôn vinh bởi các tiên nữ, tôi thích thú với những điệu múa lời ca.”

Thiên Cung Nandana.